

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 10/01/2025  
V/v “ Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Trúc Phương

2. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

*- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ YY, ấp V, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh Hồ Văn H, sinh năm: 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ YY, ấp T V, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2024 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hồ Văn H chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12/9/2008, quyền số 103. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp dẫn đến gia đình không hạnh phúc, anh H thường xuyên chơi cờ bạc gây ra nợ nần và thường xuyên đánh đập chị, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng

Nay chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung vợ chồng có 03 con chung tên Hồ Thị Kim X, sinh ngày 03/11/2008, Hồ Tấn P, sinh ngày 21/06/2011 và Hồ Thị Kim C, sinh ngày 06/12/2018 hiện nay các con đang ở với anh Hồ Văn H.

- Về tài sản chung : Không có

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa án chị Nguyễn Thị Đ có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn H.

- Về con chung: Chị Đ nhường quyền nuôi 03 đứa con tên Hồ Thị Kim X, sinh ngày 03/11/2008, Hồ Tấn P, sinh ngày 21/06/2011 và Hồ Thị Kim C, sinh ngày 06/12/2018 cho anh Hồ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/1 tháng cho 03 đứa con cho đến khi 03 đứa con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phần nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Văn H trình bày:

Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị Đ về năm chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn, có 03 con chung, quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

Về nguyên nhân mâu thuẫn anh H cho rằng : Do anh thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn dẫn đến gia đình không hạnh phúc từ đó chị H bỏ về nhà mẹ vợ ở cho đến nay.

Tại Tòa án anh Hồ Văn H có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H không đồng ý ly hôn với chị Đ, anh còn yêu thương chị Đ, anh mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Trong trường hợp chị Đ kiên quyết ly hôn mà Tòa án xử cho ly hôn thì anh H có ý kiến như sau:

- Về con chung: Anh H yêu cầu nuôi 03 đứa con tên Hồ Thị Kim X, sinh ngày 03/11/2008, Hồ Tấn P, sinh ngày 21/06/2011 và Hồ Thị Kim C, sinh ngày 06/12/2018, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Hồ Văn H đang cư trú tại Tổ YY, ấp T V, xã T , huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hồ Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12/9/2008, quyền số 103 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, chị Đ và anh H chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2023, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chí thú làm ăn, cờ bạc, nợ nần dẫn đến gia đình không hạnh phúc, chị Đ khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi từ đó làm cho vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, chị Đ và anh H đã nhiều lần nêu kéo cuộc hôn nhân nhưng không mang lại kết quả. Hiện nay anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...”.

[4] Đối với ý kiến của anh H không đồng ý ly hôn với chị Đ mà xin được đoàn tụ, xét yêu cầu xin được đoàn tụ của anh H là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình chung sống giữa anh và chị Đ luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Tại phiên Tòa anh H thừa nhận do anh thường xuyên cờ bạc, không lo chí thú làm ăn làm cho gia đình không hạnh phúc mặc dù anh H đã nhiều lần níu kéo với chị Đ quay về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng chị Đ dẫn cương quyết ly hôn với anh H. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định “ *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....*”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

[5] Về con chung: Chị Đ và anh H xác nhận vợ chồng có 03 con tên Hồ Thị Kim X, sinh ngày 03/11/2008, Hồ Tấn P, sinh ngày 21/06/2011 và Hồ Thị Kim C, sinh ngày 06/12/2018, hiện nay con đang ở với anh H.

Tại phiên tòa chị Đ đồng ý giao 03 đứa con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/1tháng cho 03 đứa con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Đ và anh H. Tiếp tục giao 03 con tên Hồ Thị Kim X, sinh ngày 03/11/2008, Hồ Tấn P, sinh ngày 21/06/2011 và Hồ Thị Kim C, sinh ngày 06/12/2018, cho anh Hồ Văn H trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/1 tháng cho 03 đứa con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời chị Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51,56,69,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ ly hôn với anh Hồ Văn H.
3. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Đ và anh H. Tiếp tục giao 03 con tên Hồ Thị Kim X, sinh ngày 03/11/2008, Hồ Tấn P, sinh ngày 21/06/2011 và Hồ Thị Kim C, sinh ngày 06/12/2018, cho anh Hồ Văn H trực

tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/1 tháng cho 03 đứa con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời chị Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số: 000747 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ, anh Hồ Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Vũ**









***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Vũ**